SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN MẮT HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/QĐ-BVMHY

Hưng Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; Luật sửa đổi, bổ sung số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025; Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016; Luật sửa đổi, bổ sung số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Y tế: số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp; số 04/2024/TT-BYT ngày 20/04/2024 quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; số 05/2024/TT-BYT ngày 14/05/2024 quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá được sửa đổi bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/08/2025; Thông tư số 40/2025/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về hoạt động đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ quyết định số 83/2025/QĐ-UBND ngày 22/09/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Mắt Hưng Yên thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-BVMHY ngày 30/10/2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên về việc phê duyệt dự toán mua sắm thuốc trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 02/TTr-D-VTYT ngày 06/11/2026 của khoa Dược-VTYT- KSNK, Bệnh viện Mắt Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm:

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết theo phụ lục 1.

2. Danh mục thuốc: Chi tiết theo phụ lục 2.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bệnh viện Mắt Hưng Yên, Khoa Dược- VTYT- KSNK và các khoa (phòng) liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BGĐ bệnh viện;
- Lưu: VT, Dược-VTYT-KSNK.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN MẮT HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Khá

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số:122/QĐ-BVMHY ngày 06/11/2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Mua sắm thuốc trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Mua sắm thuốc gồm 38 mặt hàng tương ứng 38 phần/lô	**1.890.461.650**	Từ các nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	20 ngày	Quí IV năm 2026	Đơn giá cố định	03 tháng	Không áp dụng
		Tổng cộng:		**1.890.461.650**								

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo Quyết định số:122/QĐ-BVMHY ngày 06/11/2026 của Bệnh viện Mắt Hưng Yên)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	GE.01	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Viên	1.550	1.120	1.736.000
2	GE.02	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Viên	900	1.085	976.500
3	GE.03	Aciclovir	3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Nhóm 4	Tuýp	120	46.500	5.580.000
4	GE.04	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên	Nhóm 2	Viên	15.000	2.383	35.745.000
5	GE.05	Atropin sulfat	10mg/ml, 0,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ ống	300	12.600	3.780.000
6	GE.06	Brimonidin tartrat + timolol	(2mg/ml + 5mg/ml) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	100	183.514	18.351.400
7	GE.08	Brinzolamid	10mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	205	116.700	23.923.500

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	GE.09	Brinzolamid + timolol	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	100	310.800	31.080.000
9	GE.10	Bromfenac	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	50	128.000	6.400.000
10	GE.11	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên	Nhóm 2	Viên	16.500	22.130	365.145.000
11	GE.12	Dexamethason	4mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Nhóm 4	Chai/lọ/ ống	300	640	192.000
12	GE.13	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ ống	1.050	22.000	23.100.000
13	GE.14	Hydroxypropylmethylcellulose	0,3% (w/v), 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ ống	300	32.800	9.840.000
14	GE.15	Indomethacin	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	50	68.000	3.400.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
15	GE.16	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang	Nhóm 1	Viên	400	10.950	4.380.000
16	GE.17	Kali clorid	500mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Viên	1.550	800	1.240.000
17	GE.18	Levofloxacin	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	250	115.999	28.999.750
18	GE.19	Levofloxacin	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	350	82.530	28.885.500
19	GE.20	Levofloxacin	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ ống	500	6.825	3.412.500
20	GE.21	Loteprednol etabonat	0,5% (5mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ ống	50	219.500	10.975.000
21	GE.22	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên	Nhóm 2	Viên	20.200	1.220	24.644.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
22	GE.23	Moxifloxacin	5mg/ml, 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	2.500	89.000	222.500.000
23	GE.25	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	0,5%, 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	2.250	64.102	144.229.500
24	GE.26	Natri hyaluronat	0,18% (w/v),12ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ống	500	39.000	19.500.000
25	GE.27	Natri hyaluronat	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	1.350	126.000	170.100.000
26	GE.28	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	(3.500 IU + 6.000 IU + 1mg)/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	1.750	41.800	73.150.000
27	GE.29	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	(3.500 IU +6.000 IU +1mg)/gram	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Nhóm 1	Tuýp	4.200	51.900	217.980.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
28	GE.30	Ofloxacin	3mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	1.600	52.900	84.640.000
29	GE.31	Ofloxacin	3mg/g x 3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Nhóm 2	Tuýp	800	48.890	39.112.000
30	GE.32	Pilocarpin	20mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ống	20	45.000	900.000
31	GE.33	Pirenoxin	0,25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	250	32.424	8.106.000
32	GE.34	Polyethylen glycol + propylen glycol	('0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	800	61.500	49.200.000
33	GE.35	Prednisolon acetat	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	2.150	55.000	118.250.000
34	GE.36	Proparacain hydroclorid	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	500	53.163	26.581.500

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
35	GE.37	Tobramycin	0,30%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	50	34.900	1.745.000
36	GE.38	Tobramycin + dexamethason	(3mg + 1mg)/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 1	Chai/lọ/ống	500	47.300	23.650.000
37	GE.39	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Nhóm 1	Tuýp	1.100	52.300	57.530.000
38	GE.40	Tetracain	0.5%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ống	100	15.015	1.501.500
	Tổng số: 38 mặt hàng						**Tổng tiền:**			**1.890.461.650**
	(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm năm mươi đồng./.)									